

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2021/HS-ST
Ngày: 10 - 11- 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.
2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Lê Việt Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 363/2021/HSST ngày 08 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 539/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Hồ Quỳnh P, sinh năm: 1989, tại Nghệ An; nơi cư trú: Tổ A, Khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Chuyên viên thanh quyết toán; con ông Hồ Quỳnh D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 04 anh em; bị cáo có vợ Phạm Thị O, sinh năm 1985 và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/6/2021 đến 02/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Anh Trương Bá N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu đô thị X, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

** Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng V.

Địa chỉ: phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

2. Công ty TNHH Kỹ thuật & Xây dựng N.

Địa chỉ: Khu phố E, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Công ty Cổ phần Phát triển T.

Địa chỉ: Đường T, phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/10/2018, Hồ Quỳnh P được tuyển dụng vào làm chuyên viên thanh quyết toán của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng V, công việc chính là tiếp nhận hồ sơ thanh quyết toán từ đơn vị thi công (nhà thầu) và xử lý các vấn đề phát sinh từ nhà thầu tại Công trường V thuộc khu phố L, phường T, thành phố Thủ Đức.

Ngày 16/4/2019, Công ty TNHH kỹ thuật và Xây dựng M, địa chỉ: Khu phố A, phường B, quận C có ký hợp đồng thi công hạng mục gói thầu “đào, vận chuyển đất trên mặt đường trở ra khỏi công trường đường vành đai 3” thuộc dự án khu đô thị V, phường T, thành phố Thủ Đức, trị giá hợp đồng là 1.836.224.775 đồng, thời hạn là 02 năm (đơn giá m³ là 35.000 đồng). Để thi công, Công ty M giao cho anh Trương Bá N là đại diện công ty liên hệ với P làm thủ tục tạm ứng, thanh và quyết toán tiền theo hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra, anh N có trách nhiệm liên hệ tổ giám sát của Ban quản lý công trường V để kiểm soát xe của Công ty M ra vào công trường. Thời gian đầu, doanh chưa có Phiếu vận chuyển nên tổ giám sát ghi thông số vận chuyển vào một sổ tay và ký xác nhận. Khi vận chuyển được 3.383m³ đất ra khỏi công trường, thì có mẫu Phiếu vận chuyển nên chuyển qua ghi vào phiếu này.

Ngày 15/01/2020, anh Trương Bá N lập hồ sơ quyết toán tạm ứng gửi tập đoàn Z. Tập đoàn Z giao hồ sơ cho Hồ Quỳnh P giải quyết thanh toán tạm ứng đợt 1 với số tiền là 918.112.388 đồng cho anh N. Ngày 16/4/2020, anh N gửi đến P hồ sơ thanh toán đợt 2 với số tiền 470.291.620 đồng. Sau khi P nhận hồ sơ, kiểm tra thấy thiếu phiếu vận chuyển 3.383m³ đất, P yêu cầu anh N muốn

thanh toán được số tiền đợt 2 thì phải chia đôi trị giá 3.383m³ đất tương đương với số tiền 65.000.000 đồng, thì mới làm thủ tục quyết toán cho Công ty M. Anh N không đồng ý nên P trả hồ sơ yêu cầu bổ sung đầy đủ thì mới làm thủ tục thanh toán tiền đợt 2. Sau đó, N đồng ý chia đôi 3.383m³ đất tương đương với số tiền 65.000.000 đồng. Ngày 02/5/2021, Công ty M được thanh toán đợt 2 số tiền là 470.291.620 đồng. Sau khi anh N nhận được tiền thanh toán, P đã gọi điện, nhắn qua Zalo nhắc anh N về số tiền đã thỏa thuận. Anh N gọi điện cho P nói doanh đang kẹt tiền nên chỉ xoay được 30.000.000 đồng, thì P đồng ý. Ngày 26/5/2020, P nhắn tin số tài khoản 14024987505019 ngân hàng Techcombank của vợ P là chị Phạm Thị O và yêu cầu anh N chuyển tiền vào số tài khoản trên. Để thuận tiện cho công việc, ngày 09/6/2020 anh N đã chuyển cho P số tiền 30.000.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng doanh P cung cấp. Tuy nhiên, sau khoảng hơn 1 năm từ ngày chuyển tiền, P vẫn chưa làm xong hồ sơ quyết toán còn lại cho Công ty M. Ngày 15/4/2021, anh N làm đơn tố cáo P đến Công an thành phố Thủ Đức.

Ngày 28/5/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức ra quyết định khởi tố vụ án, bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Hồ Quỳnh P. Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Hồ Quỳnh P khai nhận hành vi của mình như trên. Chị Nguyễn Thị O khai vào ngày 09/6/2020 tài khoản ngân hàng Techcombank của chị nhận số tiền 30.000.000 đồng, chị O có hỏi P về nguồn gốc số tiền trên thì P trả lời là tiền công ty thưởng. Chị O không biết P những nhiều đòi tiền của anh N nên đã giao nộp số tiền trên đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Đức.

Đối với chị Phạm Thị O doanh không biết số tiền 30.000.000 đồng doanh anh Trương Bá N chuyển vào tài khoản là tiền doanh P phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với chị O.

Đối với anh Trương Bá N, doanh Hồ Quỳnh P có hành vi những nhiều nên đã đưa cho P 30.000.000 đồng. Sau đó, anh N đã chủ động tố cáo hành vi của P nên không xử lý anh N về tội Đưa hối lộ theo khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

Vật chứng thu giữ: Số tiền 30.000.000 doanh chị O giao nộp.

Cáo trạng số: 316/CT-VKSTPTĐ ngày 30/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hồ Quỳnh P về tội “Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Quỳnh P từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo vắng mặt nên không tranh luận, không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 05/11/2021, bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và cam kết không khiếu nại gì về việc xét xử vắng mặt. Xét đơn xin vắng mặt của bị cáo là hợp lệ và việc bị cáo vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo. Bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên cũng vắng mặt.

[2] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Doanh đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[3] Xét trong quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan, hồ sơ thanh quyết toán, tin nhắn Zalo, sao kê tài khoản ngân hàng, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Hồ Quỳnh P là chuyên viên thanh quyết toán của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng V thuộc khu phố L, phường T, thành phố Thủ Đức. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, P có hành vi nhũng nhieu, gây khó khăn trong quá trình giải quyết công việc, sau đó P cung cấp số tài khoản ngân hàng của vợ P để nhận tiền của khách hàng. Ngày 09/6/2020, Hồ Quỳnh P đã nhận số tiền 30.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản từ anh Trương Bá N để giải quyết hồ sơ thanh quyết toán tiền nhanh cho Công ty M.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh, trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng xấu đến hoạt động đúng đắn của doanh nghiệp. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, được giao và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ nhưng vì vụ lợi đã nhũng nhieu, gây khó khăn, yêu cầu và đã nhận số tiền 30.000.000 đồng để thực hiện công việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ. Doanh đó, hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 354 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Chị Phạm Thị O doanh không biết số tiền 30.000.000 đồng doanh anh Trương Bá N chuyển vào tài khoản là tiền doanh bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý hình sự đối với chị O là đúng quy định của pháp luật.

Anh Trương Bá N bị ép buộc đưa hối lộ và đã chủ động tố cáo hành vi của bị cáo trước khi bị phát giác nên không xử lý anh N về tội “Đưa hối lộ” là có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Số tiền bị cáo yêu cầu và đã nhận hối lộ là 30.000.000 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu; gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy cần xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng bị cáo là người được giao nhiệm vụ trong doanh nghiệp ngoài nhà nước, tính chất của hành vi nhũng nhieu, gây khó khăn là đơn giản, bị cáo nhận hối lộ nhưng chưa thực hiện hành vi gì sai phạm nên không gây hậu quả thiệt hại cho doanh nghiệp, số tiền nhận hối lộ không lớn, bị cáo đã khắc phục nộp lại toàn bộ số tiền đã nhận. Bên cạnh đó, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật

Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Điều luật quy định đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đã nộp lại số tiền nhận hối lộ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng các hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng doanh anh N đưa hối lộ cho bị cáo, anh N đã chủ động khai báo hành vi của bị cáo trước khi bị phát giác nên căn cứ khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự trả lại toàn bộ số tiền này cho anh N.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Hồ Quỳnh P** phạm tội “Nhận hối lộ”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

- Xử phạt bị cáo **Hồ Quỳnh P**: 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giam trước từ ngày 04/6/2021 đến ngày 02/8/2021.

- Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 244/2021/HSST-BPNC ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đối với bị cáo cho đến khi nhận được quyết định thi hành án của Cơ quan có thẩm quyền.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47, khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Trả lại cho anh Trương Bá N số tiền 30.000.000 đồng.

(Theo Phiếu thu số 80 ngày 21/6/2021 của Công an thành phố Thủ Đức).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Anh Ngọc